

Bản án số: 341/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 12 - 2025
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đoạt
- Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang không tham gia.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 282/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm: 2000 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, phường A, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Tuyết H1, sinh năm: 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Lê Thanh H trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Tuyết H1 tìm hiểu, yêu thương và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2024.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có con chung tên Lê Phạm Thái H2, sinh ngày 15/5/2024. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết H1.
- Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Lê Phạm Thái H2, sinh ngày 15/5/2024. Hiện nay, con chung đang do chị H1 nuôi dưỡng nên đồng ý giao con chung cho chị H1, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chị Phạm Thị Tuyết H1 trình bày ý kiến:

Chị thống nhất với trình bày của anh H về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung. Chị thừa nhận vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay nên anh H yêu cầu ly hôn, chị có ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý yêu cầu của anh H.
- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh H giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, con chung và chia tài sản chung với chị Phạm Thị Tuyết H1.
- Chị H1 có ý kiến: Chị đồng ý với ý kiến của anh H, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đồng thời, chị H1 thống nhất với ý kiến của anh H về chia tài sản, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh H thì quan hệ pháp luật được xác định

là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn chị Phạm Thị Tuyết H1 có địa chỉ cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa anh Lê Thanh H và chị Phạm Thị Tuyết H1 đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 08/3/2024 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của anh H cho rằng, anh với chị H1 không còn tình cảm, không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên đã ly thân với nhau; mặc dù, anh chị đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không được. Trong khi đó, chị H1 cũng thừa nhận trong hôn nhân vợ chồng cũng có mâu thuẫn và hiện nay anh, chị đã ly thân. Do đó, anh H yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý nên yêu cầu xin ly hôn của anh H có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị H1 có 01 con chung tên Lê Phạm Thái H2, sinh ngày 15/5/2024. hiện nay con chung đang do chị H1 nuôi dưỡng nên anh H đồng ý giao cho chị H1., anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H1 yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Thanh H được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết H1.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh H giao con chung tên Lê Phạm Thái H2, sinh ngày 15/5/2024 cho chị Phạm Thị Tuyết H1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Lê Thanh H thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thanh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Tuyết H1 không yêu cầu anh Lê Thanh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Thanh H và chị Phạm Thị Tuyết H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Lê Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008919 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Quyền kháng cáo: Chị H1 có mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng anh H vắng mặt tại phiên toà nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,

Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 4-
An Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh